

Bản án số: 02/2025/HNGĐ-ST

Ngày 13 /02/2025

V/v: Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH LỘC, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hương Giang

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Hoàn

Bà Nguyễn Thị Tường Vân

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hương Trà – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Thuý – Kiểm sát viên.

Trong ngày 13 tháng 02 năm 2025, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa đã xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 55/2024/ TLST – HNGĐ ngày 12 tháng 7 năm 2024 về việc "Ly hôn", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2024/QĐXXST - HNGĐ ngày 30 tháng 12 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2025/QĐST – HNGĐ ngày 17 tháng 01 năm 2025 giữa các đương sự:

1- *Nguyên đơn:* Bà Phạm Thị T - sinh năm: 1972;

Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện V, tỉnh T.

Có mặt tại phiên tòa.

2 - *Bị đơn:* Ông Trương Đình Đ – sinh năm 1967.

Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện V, tỉnh T.

Vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 02 không có lý do.

NỘI DUNG CỦA VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện đề ngày 17 tháng 6 năm 2024, bản tự khai ngày 25 tháng 7 năm 2024 và quá trình làm việc tại Tòa án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn bà Phạm Thị T trình bày:

- Về hôn nhân: Bà Phạm Thị T và ông Trương Đình Đ hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện V, tỉnh T vào ngày 15/12/1989. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc được một thời gian đến năm 2005 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn không hàn gắn được. Nguyên nhân do ông Đ đi làm ăn xa, ít khi về nhà nên vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm,

dẫn đến cãi vả lẫn nhau. Vợ chồng đã sống ly thân nhau từ năm 2007 đến nay, không ai quan tâm đến ai nữa. Vì vậy, bà Phạm Thị T xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, hạnh phúc gia đình không có, vợ chồng không còn yêu thương, quan tâm đến nhau nữa, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà T đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông Trương Đình Đ.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên là Trương Đình Đ1 – sinh ngày 24/3/1990 và Trương Thị A – sinh ngày 10/10/1992. Hiện nay cả hai con đã trưởng thành nên bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, công nợ chung: Vợ chồng tự thoả thuận, bà Phạm Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là ông Trương Đình Đ đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt không có lý do, không nộp văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ kèm theo nên Tòa án không thu thập được nguyện vọng của ông Trương Đình Đ.

Tại Biên bản xác minh ngày 10/12/2024, thôn T và Công an xã T, huyện V, tỉnh Thanh Hóa nơi bà T, ông Đ cư trú cho biết: Bà Phạm Thị T – sinh năm 1972 và ông Trương Đình Đ – sinh năm 1967 đều có hộ khẩu thường trú tại thôn T, xã T, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hoá. Bà T từ trước đến nay vẫn sinh sống tại thôn T, ông Đ đi làm ăn xa, nhưng vẫn thường xuyên về địa phương. Ông Đ đi làm cụ thể ở đâu, làm công việc gì địa phương không nắm được. Bà T và ông Đ trước đây đăng ký hộ khẩu trong cùng một hộ. Tuy nhiên đến năm 2021 bà T đã làm thủ tục tách khẩu tại Công an xã T. Hộ khẩu của gia đình bà T hiện nay gồm có bà Phạm Thị T và anh Trương Đình Đ1. Hộ khẩu của ông Trương Đình Đ chỉ có một mình ông Đ. Quá trình mâu thuẫn vợ chồng: Chính quyền địa phương không nắm rõ vợ chồng bà T, ông Đ mâu thuẫn từ khi nào và mâu thuẫn về vấn đề gì. Bà Phạm Thị T đã chuyển về nhà mẹ đẻ sinh sống từ khoảng năm 2007 đến nay. Về con chung: Bà Phạm Thị T và ông Trương Đình Đ có 02 con chung tên là Trương Đình Đ1 – sinh năm 1990 và Trương Thị A – sinh năm 1992. Hiện nay anh Đ1 và chị A đã trưởng thành, lập gia đình riêng. Anh Đ1 và đi làm ăn ở thành phố S, tỉnh T; chị A đã lấy chồng và sinh sống tại xã Y, huyện V.

Tại phiên tòa bà Phạm Thị T vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn ông Trương Đình Đ.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa như sau:

- Về tố tụng: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến phiên tòa hôm nay, thấy rằng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và thư ký Tòa án đã thực hiện đúng nhiệm vụ và quyền hạn của mình và tuân theo đúng quy định của pháp luật Tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn đã tuân theo đúng quy định của pháp luật, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 02 không có lý do.

- Về nội dung: Qua nghiên cứu hồ sơ cũng như tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Phạm Thị T, xử cho bà T được ly hôn ông Trương Đình Đ.

- Về án phí: Bà Phạm Thị T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và trong quá trình giải quyết vụ án Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Về quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách đương sự và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Phạm Thị T có đơn khởi kiện về việc ly hôn đối với ông Trương Đình Đ có hộ khẩu thường trú tại xã T, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự xác định đây là vụ án: “Ly hôn” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa. Ông Trương Đình Đ đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật nhưng vẫn cố tình không nộp cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến của mình, vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Các thủ tục đã được tiến hành đảm bảo theo quy định tại Điều 177 của Bộ luật tố tụng dân sự chứng tỏ ông Trương Đình Đ cố tình trốn trách nên Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông Đ là đúng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Bà Phạm Thị T và ông Trương Đình Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện V, tỉnh T vào ngày 15/12/1989. Xác định quan hệ hôn nhân giữa bà Phạm Thị T và ông Trương Đình Đ là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống do vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã, xúc phạm lẫn nhau. Mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng nhất từ năm 2007 và vợ chồng đã sống ly thân nhau từ đó đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay bà T xét thấy tình cảm vợ chồng giữa bà và ông Đ không còn nữa nên đề nghị được giải quyết ly hôn với ông Đ. Quá trình giải quyết vụ án ông Đ đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng không đến Tòa án làm việc để trình bày quan điểm cũng như tham gia các phiên hòa giải, điều đó thể hiện ông Đ không quan tâm đến việc Tòa án đang giải quyết vụ án, không có thiện chí hàn gắn mối quan hệ hôn nhân giữa vợ chồng.

Hội đồng xét xử xét thấy: Cuộc sống hôn nhân giữa bà Phạm Thị T và ông Trương Đình Đ đã thực sự tan vỡ, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho bà Phạm Thị T được ly hôn ông Trương Đình Đ là phù hợp.

[3] Về con chung: Bà Phạm Thị T và ông Trương Đình Đ có 02 con chung tên là: Trương Đình Đ1 – sinh ngày 24/3/1990 và Trương Thị A – sinh ngày

10/10/1992. Hiện nay cả hai con đã trưởng thành nên bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về tài sản chung và công nợ chung: Bà Phạm Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Bà Phạm Thị T phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Khoản 1 Điều 28, Điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, khoản 4 Điều 147, Điều 177, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 51, 56, 57 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 5, khoản 1 Điều 6, điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Xử cho bà Phạm Thị T được ly hôn ông Trương Đình Đ.

2. Về án phí: Bà Phạm Thị T phải chịu tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng). Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006129 ngày 12/7/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa. (Bà T đã nộp đủ tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm).

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt bà T, vắng mặt ông Đ. Bà Phạm Thị T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ông Trương Đình Đ có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Vĩnh Lộc;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Lộc;
- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- UBND xã T;
- Lưu hồ sơ vụ án

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Hương Giang